

## Chương 1

### CHẲNG CÒN LẠI MỘT AI

**K**hi Mary Lennox được gửi tới trang viên Misselthwaite để sống với bác nó, ai cũng bảo nó là một đứa trẻ khó coi chưa từng thấy. Mà cũng đúng thế thật. Mặt nó hơi gầy, người cũng hơi gầy, tóc thì mỏng và sáng màu, cả người nó toát lên vẻ chua ngoa. Tóc nó vàng, mặt nó cũng vàng bởi vì nó sinh ra ở Ấn Độ và thường xuyên đau ốm, không bệnh này cũng bệnh khác. Cha nó từng giữ một chức nào đó trong chính phủ Anh, luôn bận rộn và bản thân cũng hay đau yếu. Mẹ nó thì đẹp cực kỳ và chỉ quan tâm đến việc đi dự tiệc và mua vui với những người đồng tính. Bà tuyệt nhiên không muốn có một đứa con gái nhỏ, vì thế khi Mary vừa chào đời, bà đã giao nó cho một Ayah<sup>1</sup> chăm sóc, và cô này hiểu rằng nếu muốn được lòng Mem Sahib<sup>2</sup> thì phải để đứa bé tránh càng xa tầm mắt bà càng tốt. Thế nên từ khi còn là một đứa bé

1. Ayah: từ Anh-Ấn là vú nuôi, bảo mẫu, người hầu gái.

2. Mem Sahib: từ Anh-Ấn là quý bà, phu nhân, cách người Ấn Độ gọi phụ nữ châu Âu có địa vị cao sống ở Ấn Độ.

sơ sinh ốm yếu, quấy quả và xấu xí, Mary đã sống biệt lập, và đến khi trở thành một sinh vật chấp chững biết đi, hay đau ốm và quấy khóc, nó vẫn bị tách khỏi người thân. Nó chẳng hề biết tới một cái gì thân thiết ngoài những khuôn mặt đen nhẻm của các Ayah và những người hầu bản địa khác. Tất cả đều luôn chiều ý nó, để nó muốn làm gì thì làm vì họ sợ Mem Sahib sẽ nổi giận nếu tiếng khóc của nó làm phiền bà. Chính vì thế, mới sáu tuổi mà nó đã ngang ngược, ích kỷ. Cô gia sư người Anh đến dạy nó đọc và viết ghét nó đến nỗi đã bỏ việc chỉ sau ba tháng, rồi các gia sư khác còn bỏ đi nhanh hơn. Thế nên nếu Mary không hề muốn đọc sách thì nó cũng chẳng thèm học chữ.

Khi con bé khoảng chín tuổi, vào một buổi sáng nóng như thiêu như đốt, Marry thức dậy với cảm giác vô cùng khó chịu và càng bức hơn khi thấy người đầy tớ đứng cạnh giường không phải là Ayah của nó.

“Bà đến đây làm gì?” nó hỏi người đàn bà lạ mặt. “Tôi sẽ không cho phép bà ở đây. Bảo Ayah của tôi đến đây”.

Người đàn bà có vẻ sợ hãi, nhưng bà ta chỉ lắp bắp rằng Ayah không thể tới được. Điên tiết, Mary đấm đá bà túi bụi khiến bà này càng thêm sợ hãi và chỉ lắp đi lắp lại rằng Ayah không thể tới hầu hạ Missie Sahib<sup>1</sup> được nữa.

Sáng hôm đó có điều gì thật bí ẩn. Mọi việc không diễn ra như thường lệ, nhiều người hầu bản xứ dường như

1. Missie Sahib: từ Anh-Ấn là quý cô, tiểu thư, cách người Ấn Độ gọi các bé gái châu Âu.

mất tích, còn những người mà Mary nhìn thấy thì lén la lén lút hoặc tất bật làm gì đó với khuôn mặt tái nhợt và sợ hãi. Nhưng chẳng ai nói cho nó biết điều gì cả và Ayah của nó cũng không tới. Nó thật sự bị bỏ mặc suốt buổi sáng hôm đó và cuối cùng nó lang thang ra ngoài vườn, bắt đầu chơi một mình dưới tán cây gần hàng hiên. Nó vờ như đang trồng một luống hoa bằng cách cắm mấy bông râm bụt đỏ tươi to tướng vào các đồng đất nhỏ. Nhưng càng lúc nó càng thêm bực tức và nó lẩm bẩm một mình những gì có thể nói và những cái tên mà nó sẽ gọi Saidie<sup>1</sup> khi cô ấy quay về.

“Đồ con lợn! Đồ con lợn! Đồ lợn cái!” nó chửi như thế bởi gọi một người bản xứ là con lợn là một sự lăng mạ hết sức.

Trong lúc đang nghiêng răng lạp đi lạp lại những từ đó, nó chợt nghe thấy tiếng chân mẹ nó bước ra hành lang cùng với ai đó. Bà đi cùng một thanh niên tuần tú và họ đứng nói chuyện với nhau, hạ thấp giọng một cách kỳ lạ. Mary biết chàng thanh niên tuần tú có dáng vẻ thiếu niên kia. Nghe nói anh ta là một sĩ quan rất trẻ vừa từ nước Anh sang. Con bé nhìn anh ta chăm chăm, nhưng rồi nó nhìn mẹ nó còn chăm chú hơn. Nó luôn làm vậy mỗi khi có dịp thấy bà, bởi vì Mem Sahib – Mary thường gọi bà như vậy thay cho bất kỳ cách gọi nào khác – là một người xinh đẹp, cao ráo, mảnh mai và ăn bận cực kỳ đáng yêu. Mái tóc xoắn của bà mềm như tơ, cái mũi nhỏ thanh tú, kiêu kỳ

1. Saidie: một cái tên dành cho nữ giới khá phổ biến trong cộng đồng người Hindu sống ở Ấn Độ, Pakistan.

và đôi mắt to như đang cười. Tất cả y phục của bà đều mỏng tang, tha thuốt mà Mary bảo rằng chúng được đính “đầy đăng ten”. Sáng nay, váy áo của bà còn nhiều đăng ten hơn mọi khi, nhưng đôi mắt bà không cười chút nào. Chúng mở to, hốt hoảng và ngược nhìn chàng sĩ quan đẹp trai với vẻ van nài.

“Tệ đến thế ư? Ôi, phải vậy không?” Mary nghe tiếng mẹ nó nói.

“Thật kinh khủng,” chàng trai trả lời bằng giọng run rẩy. “Khủng khiếp quá, bà Lennox ạ. Lẽ ra bà phải lên vùng đồi từ hai tuần trước mới phải.”

Mem Sahib vịn vẹo hai bàn tay.

“Ôi, tôi hiểu, lẽ ra tôi phải làm như vậy!” bà khóc. “Tôi ở lại chỉ để đến những buổi tiệc ngớ ngẩn kia. Tôi thật quá ngu xuẩn!”

Đúng lúc đó, tiếng than khóc dội lên từ khu nhà của đám người hầu lớn đến nỗi bà phải bám chặt lấy cánh tay chàng trai, còn Mary thì run lập cập từ đầu tới chân. Tiếng kêu khóc mỗi lúc càng trở nên điên dại.

“Cái gì thế? Cái gì thế?” bà Lennox thở hổn hển.

“Có người mới chết,” chàng sĩ quan trả lời. “Vậy mà bà không nói gì về việc nó đã bùng phát trong đám gia nhân của bà.”

“Tôi có biết gì đâu!” Mem Sahib khóc. “Đi với tôi! Đi với tôi!” bà nói rồi xoay người chạy vào nhà.

Ngay sau đó, những điều kinh hoàng xảy đến và Mary đã hiểu được sự bí ẩn của buổi sáng hôm đó. Bệnh tả đã bùng phát tới giai đoạn cao điểm và người chết nhiều như ruồi. Ayah đã nhiễm bệnh trong đêm và bởi vì cô ta vừa mới chết nên đám gia nhân mới

than khóc trong lều như vậy. Từ lúc đó cho tới ngày hôm sau, lại thêm ba người hầu chết, những người khác thì hốt hoảng bỏ chạy. Sự hoảng loạn bao trùm khắp nơi, tất cả các ngôi nhà gỗ một tầng đều có người chết.

Vào ngày thứ hai của dịch tả, trong cơn hoảng loạn, Mary trốn vào phòng trẻ và chẳng còn ai nhớ tới nó, nghĩ tới nó và cần đến nó. Những sự việc khác thường đã xảy ra nhưng nó lại chẳng biết gì. Mary hết khóc rồi lại ngủ, cứ thế trong nhiều giờ. Điều duy nhất nó biết là mọi người bị ốm và nó nghe thấy những âm thanh huyền bí, đáng sợ. Có lần nó bò vào phòng ăn và không thấy một ai mặc dù bữa ăn vẫn chưa xong, ghế và đĩa ăn cứ như bị gạt phắt sang một bên khi những người đang ăn đột ngột đứng dậy vì một lý do nào đó. Con bé ăn vài miếng trái cây và mấy cái bánh quy, nó thấy khát nên uống cốc rượu vang vẫn còn khá đầy. Rượu ngọt và nó không biết rượu mạnh đến thế nào. Ngay sau đó, nó thấy buồn ngủ nên quay về phòng trẻ và lại giam mình trong đó, sợ hãi bởi những tiếng gào khóc từ khu nhà lều vắng đến và tiếng chân bước vội vã. Rượu khiến nó buồn ngủ đến nỗi nó không sao mở nổi mắt và cứ thế lăn ra giường, chẳng còn biết gì trong nhiều giờ liền.

Nhiều sự việc đã xảy ra trong lúc nó ngủ. Nó ngủ say đến mức không hề nghe thấy tiếng kêu khóc và những âm thanh của mọi thứ diễn ra bên trong và bên ngoài ngôi nhà gỗ một tầng.

Khi tỉnh giấc, nó nằm dài và nhìn chằm chằm vào bức tường. Ngôi nhà vẫn hoàn toàn yên tĩnh. Trước đây

nó chưa bao giờ thấy ngôi nhà này lại yên tĩnh đến vậy. Nó không nghe thấy tiếng người nói lẫn tiếng chân bước. Nó tự hỏi liệu mọi người đã khỏe lại sau dịch tả và mọi rắc rối đã kết thúc chưa. Nó băn khoăn không biết ai sẽ chăm sóc nó bởi vì bây giờ Ayah của nó đã chết. Chắc sẽ có một Ayah mới và có lẽ cô ấy sẽ biết vài câu chuyện mới để kể cho nó nghe. Mary đã hơi chán những chuyện cũ. Nó không khóc vì bảo mẫu của nó đã chết. Nó không phải là một đứa trẻ giàu tình cảm và chưa bao giờ quan tâm nhiều đến bất kỳ ai.

Tiếng kêu khóc ồn ào, gấp gáp vì dịch tả khiến nó sợ hãi và tức giận vì dường như không ai nhớ ra nó còn sống. Mọi người đều hoảng loạn và không còn tâm trí để nghĩ tới một con bé chẳng ai ưa. Khi con người nhiễm bệnh thì dường như họ không còn nhớ gì khác ngoài bản thân mình. Khi họ khỏi bệnh, chắc sẽ có ai đó nhớ ra nó và đi tìm nó.

Nhưng bây giờ, không ai đến với nó và nó cứ nằm chờ trong khi ngôi nhà dường như mỗi lúc một vắng lặng. Nó nghe có tiếng sột soạt trên tấm thảm, thì ra một con rắn nhỏ vừa trườn đi vừa nhìn nó với đôi mắt tựa như hai viên ngọc. Con bé không hề sợ vì đó chỉ là một sinh vật nhỏ bé vô hại và sẽ không làm hại nó. Hình như con rắn kia có vẻ vội vàng muốn ra khỏi phòng. Mary chăm chú nhìn con rắn đang trườn dưới khe cửa phòng.

“Kỳ lạ thật, sao lại yên tĩnh đến thế,” nó nói. “Cứ như chỉ có mình và con rắn trong ngôi nhà gỗ này.”

Nhưng ngay sau đó, nó nghe thấy tiếng bước chân ở khoảng đất được rào kín trước nhà, rồi đến ngoài hiên.

Đó là tiếng bước chân đàn ông, họ đang tiến vào ngôi nhà và thì thầm với nhau. Không ai ra gặp hoặc nói gì với họ, và hình như họ đang mở cửa rồi nhìn vào các phòng.

“Hoang tàn quá!” nó nghe ai đó nói. “Thật là một người đàn bà đẹp! Có lẽ đứa con cũng vậy. Tôi nghe nói có một đứa con mặc dù chưa ai nhìn thấy nó bao giờ”.

Vài phút sau, họ mở cửa phòng trẻ thì thấy Mary đang đứng giữa phòng. Trông nó như một sinh vật xấu xí đang nhăn nhó cái bản bản vì nó bắt đầu thấy đói và nhọc nhã vì bị bỏ mặc. Người đàn ông đầu tiên bước vào phòng là một sĩ quan to lớn mà nó từng thấy ông nói chuyện với cha nó. Trông ông có vẻ mệt mỏi và lo lắng, nhưng khi nhìn thấy nó, ông giật mình suýt nhảy lùi lại.

“Barney!” ông gọi to. “Có một đứa bé ở đây! Chỉ có mình nó! Ở cái nơi như thế này! Thật may cho chúng ta, nó là ai thế này!”

“Tôi là Mary Lennox,” con bé đáp và ngược lên một cách khó nhọc. Nó cho rằng người đàn ông này quá thô lỗ khi gọi ngôi nhà gỗ của cha nó là “cái nơi như thế này!” “Tôi ngủ trong nhà khi mọi người mắc dịch tả và tôi cũng vừa thức dậy. Sao không có ai đến?”

“Đó là đứa trẻ chưa ai nhìn thấy bao giờ!” người đàn ông kêu lên rồi quay sang những người đi cùng. “Con bé thật sự bị bỏ quên!”

“Tại sao tôi lại bị bỏ quên?” Mary giậm chân nói. “Sao không ai đến đây?”

Người đàn ông trẻ tên là Barney nhìn nó với vẻ buồn bã vô cùng. Mary thậm chí còn nghĩ rằng

nó đã thấy anh ta chớp mắt như muốn gạt đi những giọt lệ.

“Đứa trẻ đáng thương!” anh nói. “Chẳng còn lại một ai.”

Chính cú chỉ lạ lùng và đột ngột đó khiến Mary nhận ra rằng nó đã không còn cả cha lẫn mẹ, rằng họ đã chết và bị mang đi ngay trong đêm hôm đó. Một vài người hầu bản địa chưa chết cũng vội vã rời khỏi ngôi nhà càng nhanh càng tốt, thậm chí không còn ai nhớ rằng còn có một Missie Sahib ở đó. Đó là lý do vì sao nơi này lại yên tĩnh đến thế. Đúng là không còn ai trong ngôi nhà gỗ ngoài nó và con rắn nhỏ đang bò sột soạt.

## *Chương 2*

### CÔ CHỦ MARY THẬT ƯƠNG NGẠNH

Mary thích ngắm mẹ nó từ xa và nghĩ rằng bà rất đẹp. Nhưng vì nó biết rất ít về bà nên khó có thể hy vọng nó yêu bà hay rất nhớ bà khi bà qua đời. Thật ra nó không hề nhớ bà, và vì là một đứa trẻ chỉ lủi thủi một mình, nó chỉ quan tâm đến bản thân như nó vẫn thường vậy. Nếu như nó lớn hơn chút nữa thì hẳn nó sẽ vô cùng lo sợ khi chỉ còn lại một mình trên cõi đời này; nhưng nó còn quá nhỏ, và vì luôn được chăm sóc nên nó cho rằng mình vẫn sẽ được như vậy. Điều nó muốn biết là liệu nó có được đến với những người tốt bụng, lịch sự với nó và để nó làm những gì nó thích như Ayah của nó và các đầy tớ người bản địa vẫn làm không.

Mary biết nó sẽ không ở lại nhà ông mục sư người Anh là nơi nó được gửi đến đầu tiên. Nó không thích ở đấy. Ông mục sư người Anh này quá nghèo; ông có năm đứa con gần bằng tuổi nhau, chúng mặc những bộ áo quần nhếch nhác và lúc nào cũng cãi vã, tranh giành đồ chơi của nhau. Mary ghét ngôi nhà gỗ bừa bộn của họ và rất khó chịu với bọn trẻ đến nỗi chỉ sau một, hai ngày đầu đã không đứa nào chịu chơi với nó.

Sang ngày thứ hai, bọn trẻ đã đặt cho nó một biệt danh khiến nó vô cùng tức tối.

Chính Basil là đứa đầu tiên đã nghĩ ra cái tên ấy. Basil là một thằng bé có đôi mắt xanh trông rất hỗn xược và cái mũi hếch, và Mary ghét thằng này. Con bé đang chơi một mình dưới tán cây như nó từng chơi vào hôm bệnh tả bùng phát. Nó đang vun mấy đồng đất và vài lối đi trong một khu vườn thì thằng Basil tới gần và đứng nhìn nó. Lúc đầu, Basil tỏ ra khá quan tâm và đột nhiên đưa ra một gợi ý.

“Sao mày không vun một đồng đá ở đây để giả làm một hòn non bộ?” thằng bé nói. “Ồ chỗ giữa ấy,” nó cúi xuống phía con bé rồi chỉ.

“Cút đi!” Mary gào lên. “Tao không thích lũ con trai. Cút đi!”

Thế là thằng Basil nổi cáu và bắt đầu trêu chọc nó. Nó vẫn thường trêu chọc các chị em nó. Nó nhảy múa quanh con bé, làm mặt hề, rồi vừa hát vừa cười.

*Cô chủ Mary thật ương ngạnh,  
Cây trong vườn cô lớn nổi sao?  
Khi những chiếc chuông bạc lẫn với vỏ sò,  
Và cúc vạn thọ xếp thành một dãy.*

Thằng bé cứ hát mãi cho đến khi những đứa khác nghe thấy và cùng phá lên cười. Mary càng lánh xa thì chúng càng hát to “Cô chủ Mary thật ương ngạnh”. Sau chuyện này, cứ lúc nào Mary chơi gần chúng thì chúng lại gọi nó là “Cô chủ Mary ương ngạnh”, lúc thì chúng nói với nhau về Mary, nhưng thường thì chúng nói thẳng vào mặt con bé.

“Mày sắp được gửi về nhà rồi,” Basil bảo nó, “vào cuối tuần này. Và chúng tao rất mừng vì điều đó.”

“Tao cũng mừng,” Mary đáp. “Nhưng nhà ở đâu?”

“Kìa, nó không biết nhà ở đâu!” Basil kêu lên với vẻ khinh bỉ của một thằng bé bảy tuổi. “Tất nhiên là ở nước Anh. Bà của bọn tao sống ở đó, năm ngoài em gái bọn tao là Mabel cũng được đưa sang đó với bà. Nhưng mày thì không được đưa sang bà mày đâu. Vì mày làm gì có bà. Mày sẽ đến với bác mày. Tên ông ấy là Archibald Craven.”

“Tao không biết gì về ông ấy cả,” Mary cau kỉnh.

“Tao biết rồi,” Basil đáp. “Mày chẳng biết gì hết. Bọn con gái chẳng bao giờ biết gì cả. Tao nghe cha mẹ tao nói về ông ấy. Ông ấy hiện đang sống trong một ngôi nhà cổ rộng lớn nhưng tiêu điều ở nông thôn và không một ai đến gần ông ấy. Ông ấy hay cáu và không cho ai đến gần, và nếu ông ta cho phép thì cũng chẳng ai đến. Ông ta là một người gù và rất đáng sợ.”

“Tao không tin mày,” Mary đáp rồi quay đi và lấy ngón tay bịt chặt tai lại để khỏi phải nghe bất kỳ điều gì khác.

Nhưng sau đó, nó nghĩ rất nhiều về điều đó và đến tối, khi bà Crawford bảo với nó rằng trong vài ngày tới nó sẽ xuống tàu sang Anh để đến chỗ bác nó, ông Archibald Craven, hiện đang sống ở trang viên Misselthwaite, thì con bé trở nên chai lì và ngang ngạnh, phớt lờ mọi thứ đến nỗi mọi người không biết phải nghĩ sao về nó. Họ cố đối xử tốt với nó, nhưng nó chỉ ngoảnh mặt đi khi bà Crawford muốn hôn nó, và cứng người lại khi ông Crawford vỗ vai nó.

“Nó chỉ là một đứa trẻ thôi mà,” bà Crawford nói với vẻ thương hại. “Mẹ nó là một người rất đẹp, cử chỉ tao nhã. Còn Mary, tôi chưa từng thấy đứa trẻ nào lại khó ưa đến thế. Bọn trẻ vẫn gọi nó là ‘Cô chủ Mary ương ngạnh’. Và mặc dù chúng nói vậy là không tốt nhưng ta có thể hiểu được lý do tại sao. Có lẽ nếu mẹ nó thường xuyên xuất hiện ở phòng trẻ hơn với gương mặt xinh đẹp và phong cách lịch sự, có lẽ Mary ít nhiều cũng học được nét đẹp ấy. Thật đáng buồn, giờ đây con người xinh đẹp ấy không còn nữa và nhiều người thậm chí còn không hề biết rằng bà ấy có một đứa con.”

“Tôi cho rằng bà ta hiếm khi nhìn ngó đến nó,” bà Crawford thở dài. “Sau khi Ayah của nó chết, không còn ai nghĩ đến đứa trẻ bé bỏng này nữa. Bọn đầy tớ thì bỏ chạy, để mặc con bé một mình trong ngôi nhà gỗ hoang tàn. Đại tá MacGrew bảo ông ấy đã giật nẩy mình khi mở cửa phòng và thấy con bé một mình đứng giữa phòng.”

Mary đã trải qua một chuyến đi dài đến nước Anh dưới sự chăm sóc của bà vợ một viên sĩ quan cũng đang đưa các con sang Anh để gửi vào trường nội trú. Bà quá bận rộn với cậu con trai và cô con gái bé bỏng của mình nên rất vui khi giao Mary cho một phụ nữ mà ông Archibald Craven phái tới gặp bà ở London. Người phụ nữ đó là bà Medlock, quản gia của ông Craven tại trang viên Misselthwaite. Bà là một người béo tốt, hai má ửng đỏ với đôi mắt đen sắc sảo. Bà mặc chiếc váy màu tím sẫm, bên ngoài khoác chiếc áo choàng bằng lụa đen có tua rua và đội chiếc mũ đen có dây buộc dưới cằm đính mấy bông hoa bằng nhung màu tím cứ

rung rinh mỗi khi bà quay đầu. Mary không thích bà chút nào, nhưng vì nó rất hiếm khi thích ai nên điều này cũng chẳng có gì đặc biệt. Mặt khác, rõ ràng bà Medlock cũng không để tâm đến nó.

“Thực lòng mà nói, con bé trông chẳng có gì đặc biệt!” bà nói. “Chúng tôi nghe nói mẹ nó là một người đẹp. Con bé chẳng thừa hưởng được bao nhiêu từ mẹ, phải không, thưa bà?”

“Có thể lớn lên nó sẽ đẹp hơn,” bà vợ viên sĩ quan hiền lành đáp. “Nếu nó không vàng vọt và cư xử dễ thương hơn thì nó cũng có những nét khá đấy chứ. Trẻ con thay đổi nhanh lắm.”

“Nó sẽ phải thay đổi nhiều,” bà Medlock đáp. “Nếu bà hỏi thì tôi xin thưa rằng chẳng nơi nào dạy bảo trẻ con tốt hơn ở Misselthwaite đâu!”

Hai bà tưởng Mary không nghe thấy gì vì nó đứng cách họ khá xa, bên cửa sổ cái khách sạn mà họ vừa tới. Dù đang ngấm nhìn xe cộ và dòng người qua lại, con bé vẫn nghe rõ và lấy làm tò mò muốn biết về ông bác nó và cái nơi ông đang sống. Đó là nơi nào vậy và ông bác là người thế nào? Người lưng gù là sao nhỉ? Nó chưa bao giờ nhìn thấy một người gù. Có lẽ ở Ấn Độ không có người gù.

Từ khi phải sống trong nhà của những người xa lạ và không có Ayah, nó bắt đầu cảm thấy cô đơn và nghĩ tới những điều lạ lùng chưa bao giờ xuất hiện trong đầu nó. Nó bắt đầu tự hỏi tại sao dường như nó chưa bao giờ thuộc về bất kỳ ai ngay cả khi cha mẹ nó còn sống. Những đứa trẻ khác có lẽ bao giờ cũng thuộc về cha mẹ chúng, nhưng nó chưa bao giờ thực sự là

đứa con gái bé bỏng của bất kỳ ai. Nó đã từng có người hầu hạ, ăn sung mặc sướng, nhưng không một ai để tâm tới nó. Nó không biết rằng đó là vì nó là một đứa trẻ khó chịu, nhưng tất nhiên lúc đó nó không hề biết điều đó. Nó vẫn nghĩ người khác mới đáng ghét nhưng lại không hề hay biết rằng bản thân nó cũng vậy.

Nó cho rằng bà Medlock là người đáng ghét nhất mà nó từng thấy, với khuôn mặt tầm thường đỏ gay cùng chiếc mũi nhỏ nhắn cũng tầm thường. Hôm sau, họ bắt đầu chuyến đi đến Yorkshire. Con bé ngẩng cao đầu bước nhanh qua nhà ga để tới toa xe lửa, cố tránh càng xa bà Medlock càng tốt vì nó không muốn mọi người tưởng rằng nó có quan hệ với bà. Cứ nghĩ tới việc mọi người tưởng nó là đứa con gái nhỏ của bà là nó lại vô cùng tức tối.

Nhưng bà Medlock không hề cảm thấy phiền phức bởi con bé và những suy nghĩ của nó. Bà thuộc mẫu phụ nữ “hoàn toàn đứng vững trước những trò vô nghĩa của bọn trẻ”. Nếu được hỏi, ít ra bà sẽ đáp lại như thế. Bà không muốn tới London vào lúc cô con gái của chị Maria sắp cưới, nhưng vì bà đã kiếm được công việc quản gia thoải mái, lương cao tại trang viên Misselthwaite, và cách duy nhất để bà giữ được công việc này là phải lập tức làm những gì ông Archibald Craven sai bảo. Bà chưa bao giờ dám hỏi lại một câu nào.

“Đại úy Lennox và vợ đã chết vì bệnh tả,” ông Craven nói một cách ngắn gọn và lạnh lùng. “Đại úy Lennox là em trai của vợ ta và ta là người giám hộ cho con gái của họ. Đứa trẻ sẽ được đưa đến đây. Bà phải đích thân đi London và mang nó về.”

Thế là bà xếp hành lý vào chiếc rương nhỏ rồi lên đường.

Mary co mình trong góc toa xe lửa, trông nó có vẻ bực bội và như muốn khóc. Nó chẳng có gì để đọc hoặc để nhìn ngó và đành đặt hai tay mang đôi găng màu đen nhỏ xíu trên đùi. Bộ váy đen khiến nó càng vàng vọt hơn bao giờ hết, mấy lọn tóc mềm mượt sáng màu lò xo dưới chiếc mũ bằng nhiều đen.

“Đời mình chưa bao giờ thấy một đứa bé nào hư đốn và cáu bẳn hơn nó,” bà Medlock nghĩ bụng. Bà cũng chưa bao giờ thấy đứa trẻ nào cứ ngồi lặng ngắt, không hề động đậy tay chân như vậy. Nhìn nó mãi cũng phát chán, cuối cùng bà bắt đầu nói bằng giọng cứng cỏi với vẻ thản nhiên.

“Tôi cho rằng tôi có thể nói cho cô hay vài điều về nơi cô sắp đến,” bà nói. “Cô có biết gì về ông bác của cô không?”

“Không,” Mary đáp.

“Cô chưa bao giờ nghe cha mẹ cô nói về ông ấy sao?”

“Chưa,” Mary cau mày đáp. Nó cau mày vì nó nhớ lại rằng cha mẹ chẳng bao giờ nói với nó điều gì cụ thể cả. Chắc chắn họ chưa bao giờ nói với nó điều gì cả.

“Hừm,” bà Medlock lẩm bẩm và nhìn chòng chọc vào khuôn mặt nhỏ lãnh đạm khiến người ta cảm thấy khó chịu của nó. Bà im lặng một lát rồi lại bắt đầu nói.

“Tôi nghĩ cô cũng phải được nghe một số điều để còn chuẩn bị. Cô sắp tới một nơi kỳ quặc đấy.”

Mary vẫn lặng thinh và cái vẻ thờ ơ của nó khiến bà Medlock chùng hững, nhưng sau khi hít một hơi, bà lại nói tiếp.

“Đó không chỉ là nơi rộng lớn mà còn u ám nữa, nhưng ông Craven tự hào về nó theo cách riêng của ông ấy – chỉ điều đó thôi cũng đủ u ám rồi. Ngôi nhà ấy có tuổi đời sáu trăm năm, nằm ở rìa một cánh đồng hoang và có tới gần cả trăm phòng nhưng hầu hết đều khóa kín. Những bức tranh, đồ nội thất cổ và các vật dụng rất đẹp đã có ở đây từ bao đời. Ngôi nhà nằm giữa một cái vườn lớn gồm các vườn hoa, cây cối um tùm, cành lá lòa xòa chạm đất.” Bà ngừng lại để lấy hơi. “Ngoài ra chẳng còn gì khác,” bà đột ngột kết thúc.

Mary bắt đầu chú ý lắng nghe dù nó vẫn ra vẻ thờ ơ. Tất cả những điều đó nghe không giống Ấn Độ chút nào và bất cứ điều gì mới đều cuốn hút nó. Nhưng nó không muốn tỏ ra thích thú. Đó là một trong những cách cư xử khiến nó trở nên cáu bẳn và đáng ghét. Vậy là nó vẫn ngồi im.

“Này, thế cô nghĩ gì về nơi đó?” bà Medlock nói.

“Chẳng gì cả,” con bé trả lời. “Tôi chẳng biết gì về những nơi như thế.”

Câu trả lời của nó khiến bà Medlock cười phá lên.

“Ồ!” bà nói, “thế thì cô chẳng khác gì một bà già. Cô không quan tâm gì sao?”

“Tôi có quan tâm hay không thì cũng có gì quan trọng đâu,” Mary nói.

“Đến đây thì cô đúng,” bà Medlock nói. “Chẳng có gì quan trọng cả. Tại sao cô được giữ lại trang viên Misselthwaite thì tôi không biết, trừ phi đó là cách làm dễ nhất. Chắc chắn ông ấy sẽ không bận tâm đến cô đâu. Ông ấy chưa bao giờ bận tâm đến ai cả.”

Bà dừng lại như vừa nhớ ra điều gì.



“Ông ấy gù lưng,” bà nói. “Điều đó khiến ông luôn cảm thấy bất ổn. Ông ấy còn trẻ nhưng đã hay cúi kính và không biết cách sinh lời với đồng tiền bạc và ngôi nhà rộng cho tới khi lấy vợ.”

Mary đưa mắt nhìn bà mặc dù nó vẫn muốn tỏ ra không quan tâm. Nó chưa bao giờ nghĩ tới một người lưng gù lại có thể kết hôn nên nó cũng hơi ngạc nhiên. Bà Medlock nhận ra điều này và vì là một phụ nữ lắm mồm nên bà lại tiếp tục nói còn hào hứng hơn trước. Dù sao đó cũng là cách giết thời gian tốt nhất.

“Bà ấy là một người dịu dàng, xinh đẹp và ông ấy có thể đi khắp thế gian chỉ để kiếm cho bà ấy một nhánh cỏ mà bà ấy muốn. Không ai nghĩ bà ấy lại lấy ông ấy, nhưng bà ấy đã làm thế, và người ta cho rằng bà ấy lấy ông ấy vì tiền. Nhưng không phải vậy, bà ấy không phải người như vậy,” bà Medlock quả quyết. “Khi bà ấy chết...”

Mary bất giác giật mình.

“Ôi, bà ấy chết rồi sao!” Mary kêu lên một cách vô thức. Nó chợt nhớ tới một truyện cổ tích của Pháp mà có lần nó đã đọc, tên là “Riquet à la Houppe”. Truyện kể về một người lưng gù nghèo khổ và một nàng công chúa xinh đẹp, khiến con bé chợt thấy tiếc cho ông Archibald Craven.

“Phải, bà ấy chết rồi,” bà Medlock đáp. “Chính vì thế ông ấy càng trở nên kỳ quặc hơn bao giờ hết. Ông ấy chẳng quan tâm tới bất kỳ ai và cũng không gặp ai cả. Ông ấy chẳng mấy khi ở nhà, mà nếu có ở lại Misselthwaite thì ông ấy cũng giam mình trong cánh nhà phía tây, không gặp ai ngoài Pitcher. Đó là một

ông già đã chăm sóc ông ấy khi ông ấy còn bé và chỉ Pitcher mới biết cách chăm sóc ông ấy.”

Chuyện này nghe cứ như trong một cuốn sách và nó khiến Mary không vui. Một ngôi nhà với cả trăm căn phòng hầu như đều đóng cửa kín mít và bị khóa lại – một ngôi nhà nằm kề bên cánh đồng hoang, cho dù là hoang đến mức nào chẳng nữa, thì cũng thật thê lương. Lại còn một người đàn ông lưng gù tự giam mình nữa chứ! Mary đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ với đôi môi mím chặt, và cứ như hoàn toàn theo lẽ tự nhiên, mưa bắt đầu rơi thành những dòng nước xiên xiên màu xám và bắn tung tóe khi đập vào cửa sổ rồi tiếp tục chảy xuống. Nếu người vợ xinh đẹp của ông ấy còn sống, hẳn bà ấy sẽ làm mọi thứ trở nên vui tươi giống như mẹ nó, bằng cách chạy ra chạy vào hoặc đi dự tiệc như bà vẫn làm, trong những bộ váy dài “đầy đẳng ten”, nhưng bà ấy không còn nữa.

“Cô đừng hy vọng sẽ gặp được ông ấy, vì tôi cá mười ăn một là cô sẽ không gặp được đâu,” bà Medlock nói. “Và cô cũng đừng hy vọng sẽ có người nói chuyện với cô. Cô sẽ phải chơi một mình và tự chăm sóc bản thân. Người ta sẽ bảo cô căn phòng nào cô có thể vào và căn phòng nào cô phải tránh xa. Chơi trong vườn là đủ rồi. Còn khi đã ở trong nhà thì đừng có đi lung tung và chọc phá. Ông Craven không cho phép đâu.”

“Tôi không hề muốn chọc phá,” Mary bé nhỏ chanh chua đáp. Lúc này nó bỗng mất đi sự thương cảm đối với ông Archibald Craven cũng đột ngột như lúc nó bắt đầu lấy làm tiếc cho ông, và nó nghĩ ông ta

khó tính như thế thì cũng đáng phải chịu những chuyện đã xảy ra.

Rồi nó quay mặt về phía các ô cửa sổ của toa xe, đắm đắm nhìn bầu trời xám xịt đầy giông bão tưởng chừng cứ kéo dài mãi mãi. Mary lặng nhìn ra ngoài một lúc lâu cho đến khi trong mắt nó là cả bầu trời mỗi lúc một xám xịt, rồi nó ngủ thiếp đi.